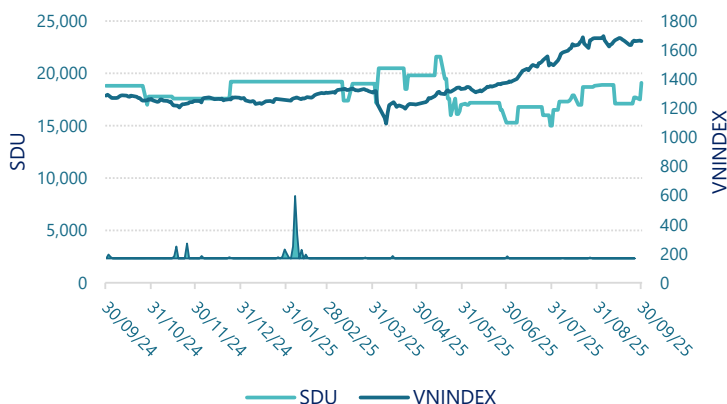


CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà (HNX: SDU)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	245
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	382
P/E	7.7
EPS	2,465

DT thuần

Q3/25

14.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼109 | -88.6%

YoY: ▲ 0.30 | 1.9%

LN sau thuế

Q3/25

0.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.5 | -99.0%

YoY: ▲ 0.17 | 50.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.3%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

9T 2025

149

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 98.0 | 193%

LN sau thuế

9T 2025

48.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.1 | 7739%

ROE

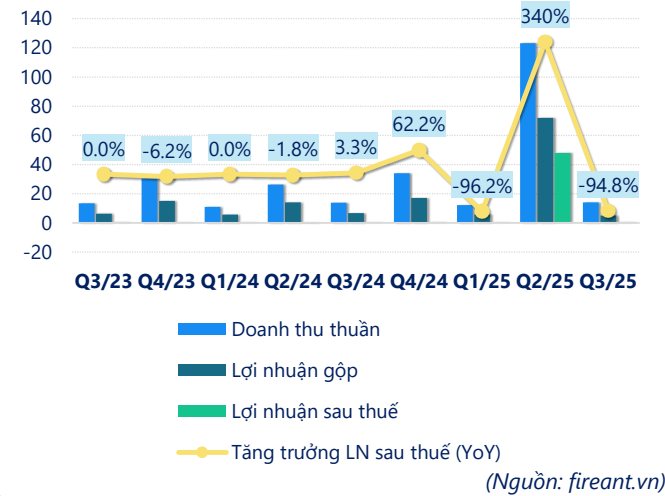
Q3/25

13.0%

+/- YoY: ▲ 12.9%

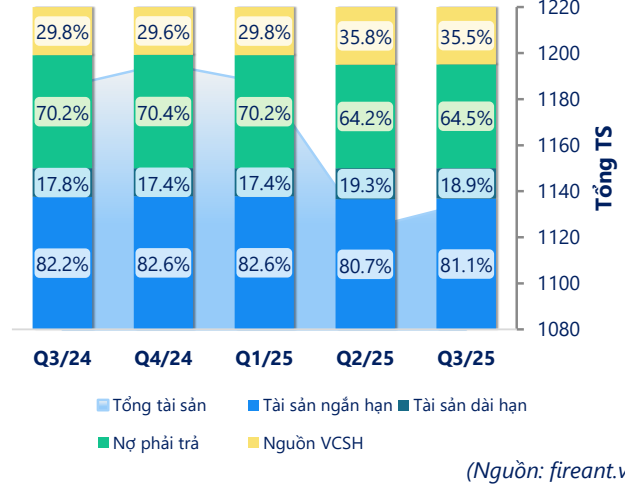
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

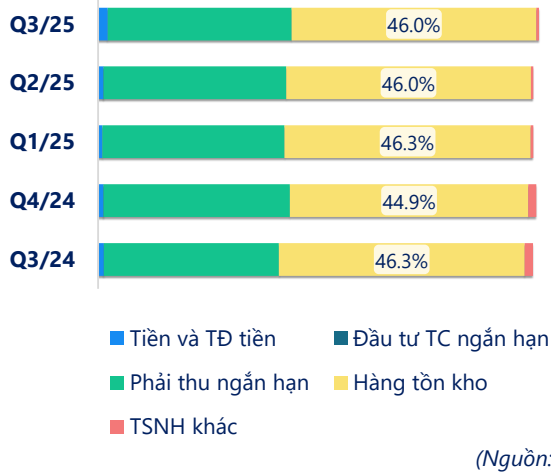


Cơ cấu Tổng tài sản

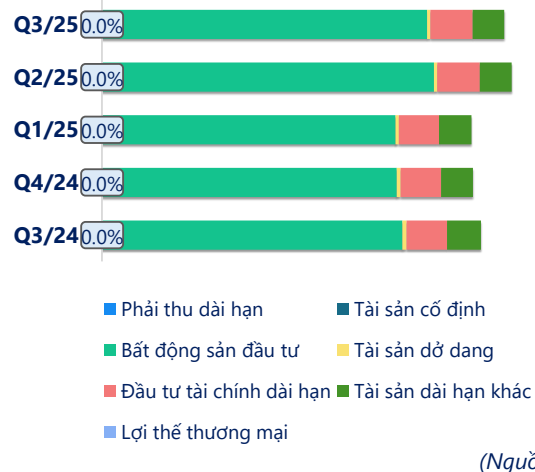
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

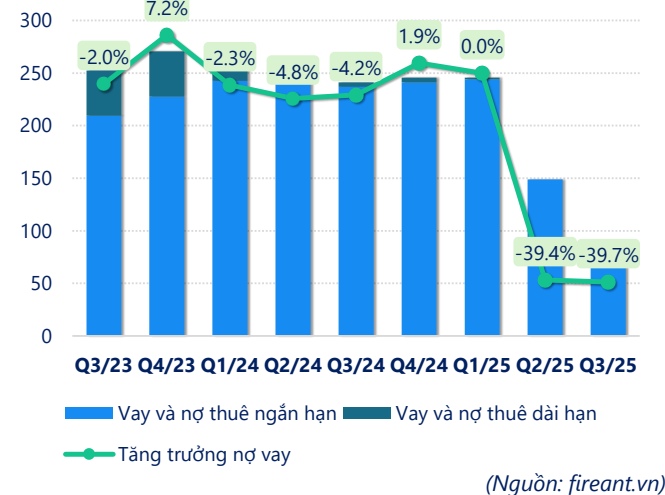


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



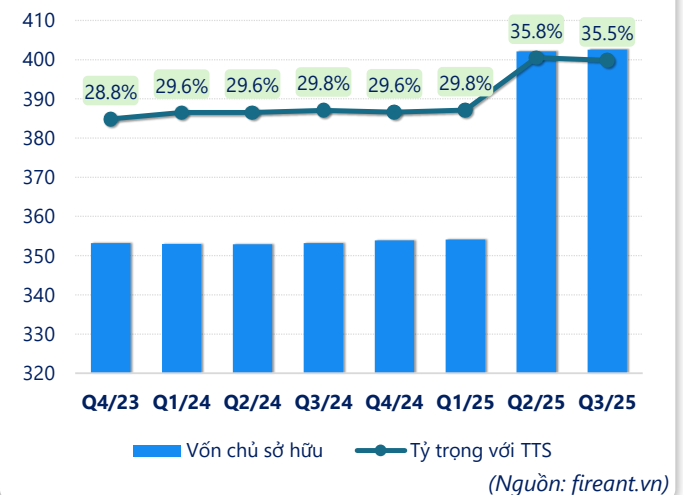
tỷ VNĐ

Nợ vay

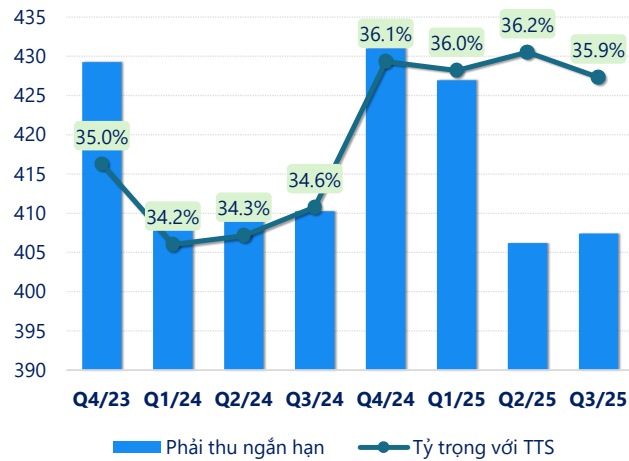


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

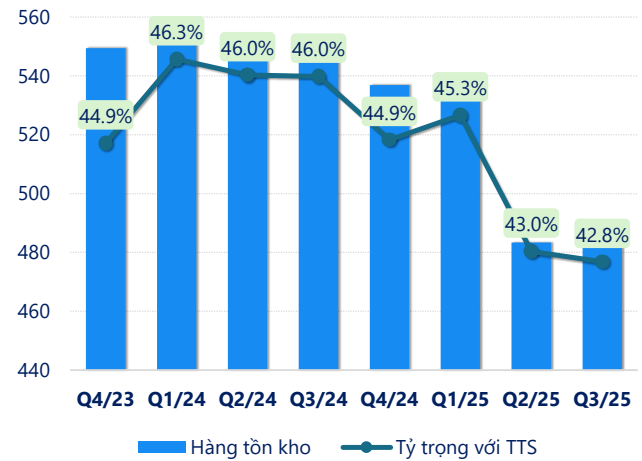


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


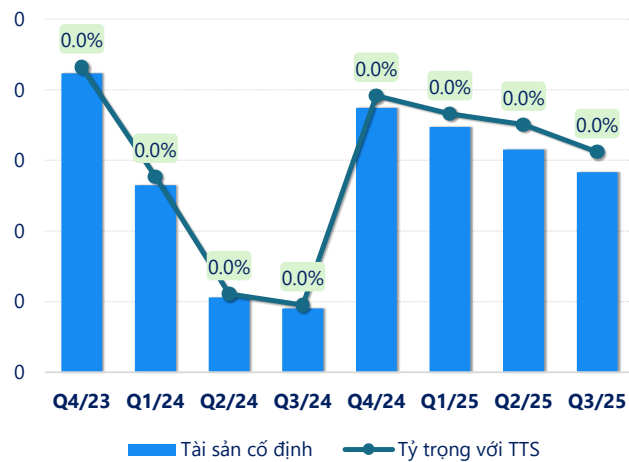
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


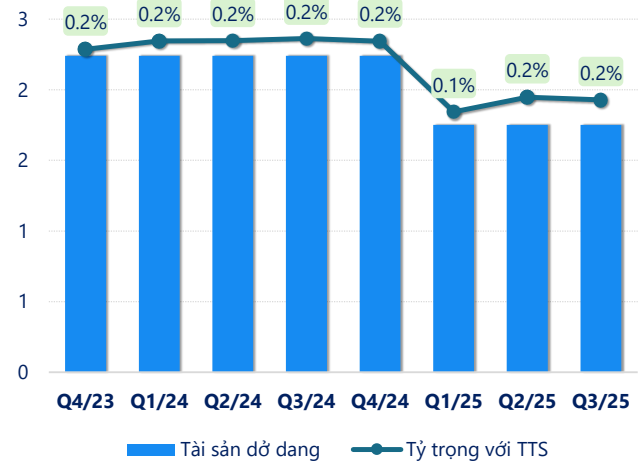
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

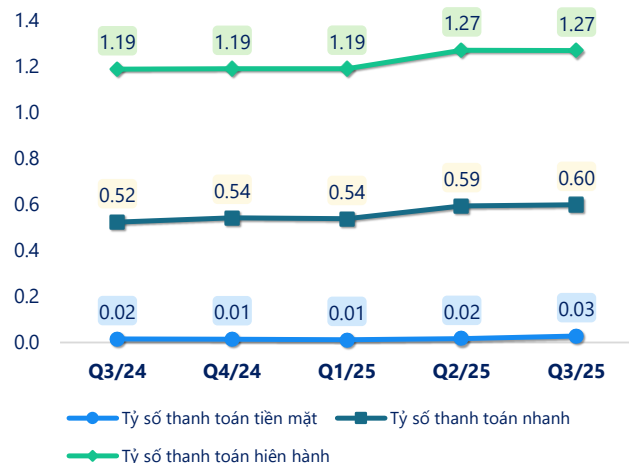
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

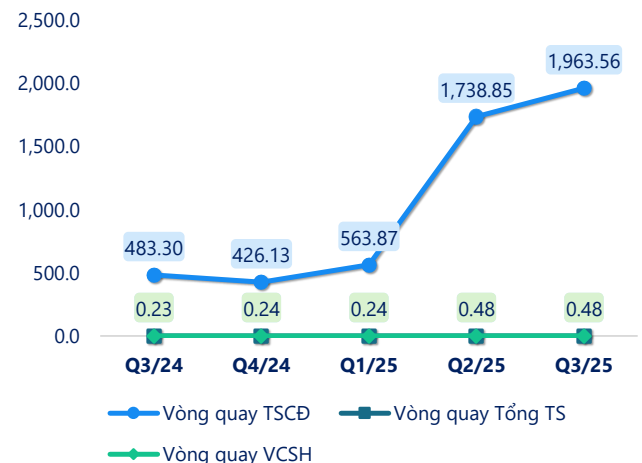
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,185	1,195	1,187	1,124	1,135
Tài sản ngắn hạn	974	987	981	907	920
Tiền và tương đương tiền	12.6	12.2	9.86	11.6	20.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.41	0.46	0.41	0.41
Phải thu ngắn hạn	410	431	427	406	407
Hàng tồn kho	545	537	538	483	486
Tài sản ngắn hạn khác	6.14	6.30	5.49	5.52	5.84
Tài sản dài hạn	211	209	206	216	215
Phải thu dài hạn	0.09	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	0.05	0.19	0.17	0.16	0.14
Bất động sản đầu tư	167	165	164	175	173
Tài sản dở dang	2.24	2.24	1.75	1.75	1.75
Đầu tư tài chính dài hạn	22.6	22.6	22.6	22.5	22.6
Tài sản dài hạn khác	18.9	18.0	18.0	16.9	16.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	832	841	833	721	732
Nợ ngắn hạn	820	829	824	714	725
Vay và nợ thuê ngắn hạn	237	241	244	149	89.7
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	19.5	19.0	17.4	19.6
Nợ dài hạn	12.3	12.3	9.13	7.44	7.44
Vay và nợ thuê dài hạn	4.40	4.46	1.80	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	353	354	354	402	403
Vốn chủ sở hữu	353	354	354	402	403
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)